

An Giang, ngày 21 tháng 4 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước có xu thế lên chậm. Mực nước cao nhất cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 10-45cm..
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mực nước có xu thế lên chậm. Mực nước cao nhất cao hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 35-55cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các sông, kênh, rạch lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 20/4 thấp hơn cùng kỳ năm 2025 từ 15-30cm và phổ biến thấp hơn TBNN từ 10-25cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước biến đổi chậm, đỉnh triều tại các trạm ở mức dưới BĐI.

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mực nước trên các sông, kênh có xu thế xuống chậm trong những ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mực nước có xu thế xuống chậm trong những ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch có xu thế lên chậm.
- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé xuống chậm theo triều tới ngày 28/04. Đỉnh triều ở mức thấp.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên các sông, kênh theo triều xâm nhập sâu vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 22/4/2026

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Nguyễn Thị Cẩm Loan

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ (cm)			Giá trị ngày 20/04		So với 19/04		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III									21/04	22/04	23/04	24/04	25/04
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	129	2	▲	28	▲	34	▲	127	122	117	112	107
					Hmin	-36	3	▲	-3	▼	-25	▼	-45	-47	-49	-51	-46
Ông Chương	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	139	1	▲	35	▲	44	▲	137	132	127	122	117
					Hmin	-50	5	▲	0	◀▶	-13	▼	-59	-61	-63	-65	-60
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	107	5	▲	9	▲	15	▲	105	100	95	90	85
					Hmin	24	11	▲	18	▲	6	▲	15	13	11	9	14
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	145	2	▲	34	▲	45	▲	143	138	133	128	123
					Hmin	-42	4	▲	-6	▼	-24	▼	-51	-53	-55	-57	-52
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	158	0	◀▶	35	▲	57	▲	156	151	146	141	136
					Hmin	-50	2	▲	-6	▼	-1	▼	-59	-61	-63	-65	-60
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	141	3	▲	36	▲	41	▲	139	134	129	124	119
					Hmin	-49	4	▲	-1	▼	-19	▼	-58	-60	-62	-64	-59
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	16	5	▲	-28	▼	-9	▼	22	24	25	26	27
					Hmin	-14	3	▲	-30	▼	-14	▼	-12	-10	-8	-6	-4
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	4	4	▲	-33	▼	-18	▼	6	8	9	10	11
					Hmin	-3	4	▲	-31	▼	-20	▼	-1	1	2	3	4
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	14	3	▲	-31	▼	-25	▼	16	18	19	20	21
					Hmin	7	4	▲	-29	▼	-26	▼	9	11	12	13	14
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	14	4	▲	-32	▼	-21	▼	16	18	19	20	21
					Hmin	9	3	▲	-29	▼	-20	▼	11	13	14	15	16
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	21	4	▲	-33	▼	-20	▼	23	25	26	27	28
					Hmin	16	2	▲	-29	▼	-18	▼	18	20	21	22	23
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	20	5	▲	-30	▼	-7	▼	26	28	29	30	31
					Hmin	-7	5	▲	-25	▼	-10	▼	-2	0	2	4	6
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	33	6	▲	-33	▼	6	▲	37	39	40	41	42
					Hmin	19	4	▲	-25	▼	2	▲	21	23	24	25	26
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	25	4	▲	-38	▼	-16	▼	29	31	32	33	34
					Hmin	17	2	▲	-28	▼	-13	▼	19	21	22	23	24
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	22	6	▲	-14	▼	6	▲	26	28	29	30	31
					Hmin	10	4	▲	-13	▼	1	▲	12	14	15	16	17
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	52	6	▲	-32	▼	9	▲	56	58	59	60	61
					Hmin	36	5	▲	-22	▼	10	▲	38	40	41	42	43
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	90	4	▲	-11	▼	30	▲	94	96	97	98	99
					Hmin	35	9	▲	-13	▼	8	▲	37	39	40	41	42
RG-LX	Núi Sập	140	180	220	Hmax	54	4	▲	-25	▼	6	▲	58	60	61	62	63
					Hmin	26	7	▲	-21	▼	-3	▼	28	30	31	32	33

RG-LX	Tân Thành	120	150	180	Hmax	37	4	▲	-30	▼	-11	▼	41	43	44	45	46
					Hmin	21	6	▲	-24	▼	-11	▼	23	25	26	27	28
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	18	4	▲	-32	▼	-10	▼	22	24	25	26	27
					Hmin	9	5	▲	-23	▼	2	▲	11	13	14	15	16
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	4	7	▲	-25	▼	-24	▼	10	9	8	7	6
					Hmin	-6	7	▲	-10	▼	17	▲	-11	-9	-7	-5	-3
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	67	0	◀▶	22	▲	30	▲	68	64	60	55	50
					Hmin	-41	1	▲	-8	▼	-6	▼	-45	-43	-41	-34	-31

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ▶◀ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





